

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2020

V/v: Ly hôn giữa anh C

và chị D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Pậu; bà Lò Thị Dung;

- Th- ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tía, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

- Đại diện VKSND thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Như Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2020, vụ án xin ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 182/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Anh Cà Văn C, sinh năm 1976; Trú tại bản Panh, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, có mặt.

Bị đơn: Chị Lò Thị D, sinh năm 1973; Trú tại bản Hụm, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do (*đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội, chị D có ý kiến trong Biên bản ghi lời khai xin xét xử vắng mặt*).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện (vv *Xin ly hôn*) ngày 23/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Cà Văn C trình bày: Anh và chị Lò Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố Sơn La,

tỉnh Sơn La từ ngày 16/12/2008. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018, sau đó luôn bất đồng trong quan điểm sống, cãi cọ và xích mích với nhau nhiều lần, do hai vợ chồng không hợp tính. Năm 2019 chị Lò Thị D vi phạm pháp luật hình sự bị Tòa án xét xử và nay đang phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội với mức án 45 tháng tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hai vợ chồng chúng tôi sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trước đó hai bên gia đình nội ngoại đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lò Thị D.

Con chung: Chúng tôi có 02 con chung, cháu Cà Thị Nhật Lệ, sinh ngày 08/10/2009; cháu Cà Thị Hoài Thu, sinh ngày 08/3/2014. Nếu ly hôn tôi xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết;

Tài sản riêng: Không có.

Nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết;

Tại Biên bản ghi lời khai khai ngày 10/9/2020, chị Lò Thị D xác định việc kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh Cà Văn C đã trình bày, chị không nhất trí ly hôn với anh C, nếu ly hôn chị nhất trí giao cho anh C nuôi cả hai con chung, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con vì nay chị chưa có điều kiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến cháu Cà Thị Nhật Lệ, sinh ngày 08/10/2009, cháu Lệ có ý kiến: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với bố C để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập.

Tòa án lập biên bản về việc tiếp cận, công khai chứng cứ + Biên bản không hòa giải được và đã Thông báo kết quả không hòa giải được cho bị đơn (*chị D*) theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh Cà Văn C được ly hôn chị Lò Thị D. Đề nghị giao cả hai cháu Cà Thị Nhật Lệ sinh ngày 08/10/2009 và cháu Cà Thị Hoài Thu, sinh ngày 08/3/2014 cho anh Cà Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Cà Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về Hôn nhân: Anh Cà Văn C và chị Lò Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La từ ngày 16/12/2008, là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống không hòa thuận với nhau do hai vợ chồng không hợp tính, cuộc sống chung không hạnh phúc, hai anh chị sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm gì đến nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Năm 2019, chị D vi phạm pháp luật hình sự và nay đang phải đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác ghi lời khai, thu thập chứng cứ đối với chị Lò Thị D. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/9/2020, chị Lò Thị D không nhất trí ly hôn, nếu phải ly hôn chị nhất trí giao cả hai con chung cho anh Cương nuôi dưỡng giáo dục, khi thi hành án xong chị có đề nghị giải quyết sau, chị Lò Thị D không thể có mặt tại phiên họp, phiên tòa. Chị D có yêu cầu Tòa án xin xét xử vắng mặt chị.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do chị Lò Thị D đang phải chấp hành án phạt tù. Chị Lò Thị D có yêu cầu Tòa án xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng chị D và anh C. Kết quả xác minh thể hiện hai vợ chồng anh chị cùng trú tại bản Hụm, xã C, có hai con chung, không có nợ tiền của bản, xã. Năm 2019, chị D phải đi chấp hành án phạt tù thời hạn 45 tháng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Nay vợ chồng anh Cương và chị D có yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cà Văn C, xử cho anh Cà Văn C được ly hôn

chị Lò Thị D là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Cà Nhật Lệ, sinh ngày 08/10/2009 và cháu Cà Thị Hoài Thu, sinh ngày 08/3/2014. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, xét nguyện vọng của con đã trên 07 tuổi, cần giao cả hai cháu cho anh Cà Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận anh Cà Văn C không yêu cầu chị Lò Thị D phải cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Cà Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Cà Văn C được ly hôn chị Lò Thị D.
2. Về phần con chung: Giao cả hai cháu Cà Thị Nhật Lệ, sinh ngày 08/10/2009 và cháu Cà Thị Hoài Thu, sinh ngày 08/3/2014 cho anh Cà Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lò Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Cà Văn C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về phần tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Tòa án không xem xét, do cả hai đương sự cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về phần án phí: Anh Cà Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000,đ (*ba trăm ngàn đồng*) đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000472 ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Anh Cà Văn C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Cà Văn C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn chị Lò Thị D (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND xã C (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự (2);
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*đã ký và đóng dấu*)

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND xã Tâm Thắng(*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự (2)
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hương

